

Số/No.: 39/2026/DGW-ĐT

TP.HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2026
HCMC, day 17 month 07 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức / *Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ/ *DIGIWORLD CORPORATION*

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: DGW
- Địa chỉ / *Address*: Tầng 15, Tòa nhà Etown Central, số 11 Đoàn Văn Bơ, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *15th Floor, Etown Central Building, 11 Doan Van Bo Street, Xom Chieu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Điện thoại/ *Telephone*: (84.28) 3929 0059 Fax: (84.28) 3929 0060

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of Information disclosure*:

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 24/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026/ *Board of Directors' Resolution No. 24/2026/NQ-HĐQT dated July 17, 2026 regarding the issuance of shares under the 2026 Employee Stock Ownership Plan.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/07/2026 tại đường dẫn: <http://digiworld.com.vn/> *This information was published on Company's website on 17/07/2026 (date), as in the link: http://digiworld.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**Đại diện tổ chức
Organization representative**
Người đại diện pháp luật
Legal representative



ĐOÀN HỒNG VIỆT

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thế Giới Số;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 08/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026;
- Căn cứ Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT ngày 24/03/2026 Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 23/2026/BBH-HĐQT ngày 17/07/2026.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 08/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 của Công ty Cổ phần Thế Giới Số, chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thế Giới Số (DGW)
2. Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phần phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phần
4. Đối tượng phát hành	Thành viên HĐQT và người lao động thuộc DGW và các công ty con.
5. Tiêu chuẩn xét chọn người lao động và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng	CBNV được xét chọn cần tuân thủ nghiêm túc các quy định nội bộ, quy chế lao động; Có thái độ làm việc tích cực, chủ động, tinh thần làm chủ và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty; Tích cực tham gia các hoạt động lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và các chương trình hướng tới cộng đồng. Chi tiết về tiêu chuẩn và nguyên tắc phân phối cho từng đối tượng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua, cụ thể tại Điều 8,9 Quy chế phát hành cổ

	phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (đính kèm)
6. Số lượng cổ phiếu phát hành	2.200.000 cổ phiếu
7. Tổng giá trị cổ phiếu ESOP theo mệnh giá	22.000.000.000 đồng
8. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	0,995%
9. Giá bán	10.000 đồng/cổ phần
10. Hạn chế chuyển nhượng	01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành
11. Thời gian thực hiện dự kiến	Quý III năm 2026, sau khi được UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành và sau khi Công ty hoàn tất chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông.
12. Phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết	Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết do người lao động từ chối mua thì HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho Người lao động khác theo Danh sách đã được lựa chọn ban đầu đảm bảo tiêu chuẩn được ĐHĐCĐ thông qua với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này vẫn bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không chào bán hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.
13. Thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung	Thông qua thực hiện các thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
14. Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ theo kết quả thực tế của đợt phát hành.
15. Thay đổi đăng ký kinh doanh	Thông qua thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi đăng ký kinh doanh của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt phát hành thực tế tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 2: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thế giới Số như sau:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty: 49% (căn cứ Công văn số 3656/UBCK-PTTT ngày 14/6/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thế giới Số);
- Công ty không phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài trong đợt phát hành này và hoàn toàn đảm bảo việc phát hành đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty đã báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

ĐIỀU 3: Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026 (Quy chế đính kèm).

ĐIỀU 4: Thông qua Danh sách người lao động được lựa chọn tham gia đợt phát hành (Danh sách đính kèm).

ĐIỀU 5: Hội đồng quản trị giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Phòng ban có liên quan triển khai các thủ tục cần thiết theo quy định để thực hiện đúng Nghị quyết này.

ĐIỀU 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT.



ĐOÀN HỒNG VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ



**QUY CHẾ
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU
THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO
NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 24/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy chế này áp dụng Thành viên HĐQT và người lao động thuộc DGW và các Công ty con.

Điều 2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Trong Quy chế này, ngoại trừ ngữ cảnh và nội dung quy định thể hiện khác đi, các khái niệm và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- Digiworld/ DGW/ Công ty: Công ty Cổ phần Thế Giới Số.
- HĐQT: Hội Đồng Quản Trị.
- CBNV: Cán bộ nhân viên.
- UBCKNN: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- HĐLĐ: Hợp đồng lao động.
- ESOP (Employee Stock Ownership Plan) là cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

Điều 3. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/ 11/ 2019 và được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ngày 25/04/2026;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 08/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2026 thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2026);
- Nghị quyết HĐQT số 24/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026 thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2026).

Điều 4. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("**Chương trình**") được xây dựng với mục tiêu thu hút, giữ chân và tạo động lực dài hạn cho đội ngũ CBNV của Digiworld và các Công ty con có năng lực, tâm huyết và tiềm năng phát triển, thông qua các cơ chế đãi ngộ bằng cổ phiếu, nhằm:

- Tạo thêm quyền lợi tài chính dài hạn cho CBNV bên cạnh các chế độ lương thưởng thông thường;
- Gắn kết hiệu quả làm việc cá nhân với thành quả phát triển của Công ty, từ đó thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và sự chủ động trong công việc;
- Khuyến khích CBNV đồng hành cùng Công ty chia sẻ thành quả khi Công ty đạt được những thành công trong tương lai.

Điều 5. Ý NGHĨA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

5.1. Đối với đội ngũ CBNV toàn Công ty

- Tạo cơ hội để CBNV hưởng lợi từ giá trị gia tăng mà Công ty tạo ra, thông qua việc nắm giữ cổ phần;
- Thu hút và giữ chân nhân sự giỏi, có năng lực chuyên môn và thái độ tích cực trong hành trình phát triển của tổ chức;

- Khuyến khích vai trò và trách nhiệm cá nhân thông qua việc gắn quyền lợi với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh;
- Gia tăng động lực cống hiến và ý thức đồng hành lâu dài với Công ty;
- Đảm bảo chính sách đãi ngộ công bằng và xứng đáng, giúp nâng cao sự gắn bó và tinh thần làm chủ.

5.2. Đối với ban lãnh đạo và cán bộ quản lý

- Củng cố cam kết đồng hành dài hạn với mục tiêu chiến lược của Công ty;
- Tạo nguồn thu nhập bổ sung tương xứng với đóng góp, giúp tăng tính cạnh tranh của chính sách đãi ngộ so với thị trường;
- Khơi dậy tinh thần làm chủ, nâng cao nhận thức trách nhiệm và tư duy phát triển bền vững như những cổ đông thực thụ của doanh nghiệp.

5.3. Đối với Công ty

- Thu hút nhân sự cấp cao chất lượng từ thị trường bên ngoài, đặc biệt trong bối cảnh hạn chế về khung lương thưởng;
- Gia tăng giá trị nội tại và sức hấp dẫn đầu tư thông qua chiến lược giữ chân và phát triển nhân tài;
- Tăng cường uy tín với đối tác, từ đó nâng cao hình ảnh và vị thế của Công ty trong mắt cộng đồng và xã hội.

5.4. Đối với cổ đông

- Giá trị cổ phiếu và tài sản cổ đông được gia tăng khi Công ty phát triển hiệu quả và bền vững;
- Tối ưu hóa lợi nhuận giữ lại nhờ hạn chế việc chi thường bằng tiền mặt, góp phần nâng cao lợi ích tổng thể cho cổ đông hiện hữu.

Chương II

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH, ĐỐI TƯỢNG

Điều 6. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH ESOP 2026

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thế Giới Số
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ của Công ty: 2.213.201.690.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu quỹ tại thời điểm hiện tại: 159.169 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm hiện tại: 221.161.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 2.200.000 (Hai triệu hai trăm nghìn) cổ phiếu, tương đương 0,995% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại thời điểm triển khai phát hành.
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 22.000.000.000 đồng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Thành viên HĐQT và người lao động thuộc DGW và các Công ty con theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.
- Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết: Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết do người lao động từ chối mua thì HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho Người lao động khác theo Danh sách đã được lựa chọn ban đầu đảm bảo tiêu chuẩn được ĐHCĐ thông qua với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này vẫn bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không chào bán

hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành, chi tiết quy định theo Điều 10 Quy chế này.

- Hạn chế chuyển nhượng: 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2026, sau khi được UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành và sau khi Công ty hoàn tất chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông.

Điều 7. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP 2026

7.1. Nguyên tắc xét chọn

Đối tượng được tham gia Chương trình ESOP 2026 là Thành viên HĐQT và CBNV đang làm việc tại Digiworld và các Công ty con, có năng lực chuyên môn, thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm và tiềm năng đóng góp thiết thực cho sự phát triển bền vững và đột phá của Công ty.

7.2. Các trường hợp không thuộc đối tượng xét chọn

- Thôi việc/đang được giải quyết thủ tục thôi việc; hoặc
- Trong diện không được Công ty tái ký Hợp đồng lao động; hoặc
- Đang bị tạm đình chỉ để xử lý kỷ luật lao động; hoặc
- Đang trong quá trình xử lý kỷ luật mức độ sa thải/Công ty đơn Phương chấm dứt hợp đồng lao động.

7.3. Thẩm quyền quyết định

Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định lựa chọn đối tượng đủ điều kiện tham gia Chương trình căn cứ theo Quy chế này và định hướng chiến lược của Công ty. Quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền là quyết định cuối cùng.

Chương III

TIÊU CHUẨN VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU ESOP 2026

Tiêu chuẩn và nguyên tắc phân phối cổ phiếu ESOP 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua theo Phụ lục I - Tờ trình Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2026.

Điều 8. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC XÉT DUYỆT THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH ESOP 2026

CBNV được xét chọn cần tuân thủ nghiêm túc các quy định nội bộ, quy chế lao động; Có thái độ làm việc tích cực, chủ động, tinh thần làm chủ và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty; Tích cực tham gia các hoạt động lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và các chương trình hướng tới cộng đồng và đồng thời đáp ứng các tiêu chí sau:

- **Thâm niên công tác:** Nhân viên có thời gian làm việc từ 2 năm trở lên tại công ty. Thâm niên được tính từ ngày ký hợp đồng chính thức đến ngày xét duyệt ESOP.
- **Đóng góp nổi bật:** Những thành tích xuất sắc trong công việc như phát triển dự án mới, cải tiến quy trình làm việc, hoặc các sáng kiến mang lại lợi ích kinh tế đáng kể cho công ty.
- **Hiệu suất công việc:** Được đánh giá qua hệ thống KPI (Key Performance Indicators) hàng năm;

8.1 Tiêu chuẩn về đóng góp nổi bật

8.1.1 Phân nhóm đóng góp theo cấp bậc, vai trò, mức độ ảnh hưởng và tiềm năng phát triển (Nhóm I)

- **Nhóm 1: Key Person (KP) – Nhân sự chủ chốt**

Là những cá nhân giữ vai trò chiến lược, đóng góp quan trọng trong việc định hướng và thúc đẩy sự phát triển của Công ty.

- **Nhóm 2: Middle Management (MM) – Quản lý**

Là đội ngũ quản lý cấp trung, có trách nhiệm điều hành, dẫn dắt đội ngũ và đóng vai trò tích cực trong việc triển khai các mục tiêu phát triển của Công ty.

- **Nhóm 3: Prospective Employee (PE) – Nhân sự tiềm năng**

Là nhân viên nằm trong chương trình phát triển nhân tài của Công ty hoặc nhân viên đạt thành tích vượt trội trong năm. Đây là lực lượng kế cận đầy triển vọng.

- **Nhóm 4: Loyalty Employee (LE) – Nhân sự trung thành, tận tụy**

Là những cá nhân tin cậy, có tinh thần trách nhiệm cao, luôn suy nghĩ và hành động với tinh thần làm chủ, gắn bó lâu dài và chủ động đóng góp cho Công ty.

- **Nhóm 5: Long Term Employee (LTE) – Nhân sự thâm niên**

Là những nhân viên có thời gian gắn bó dài hạn, thể hiện sự trưởng thành và bền bỉ trong hành trình phát triển cùng Công ty.

Việc phân nhóm này là cơ sở quan trọng để xây dựng các chính sách ghi nhận, khen thưởng, phát triển và xét chọn quyền lợi trong Chương trình ESOP, góp phần tạo động lực và giữ chân nhân tài.

8.1.2 Phân khối đóng góp theo tiêu chí định hướng phát triển bền vững và đột phá (Nhóm II)

Nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, phát triển bền vững và đồng hành cùng chiến lược tăng trưởng đột phá của Công ty, các cá nhân được phân nhóm theo vai trò và vị trí sẽ được đánh giá dựa trên các tiêu chí cụ thể như sau:

↓ **Nhóm KP:**

- **Khối FL (Frontline):**

- * **Phát triển bền vững:** Định hướng và triển khai các chiến lược dài hạn, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.
- * **Phát triển đột phá:** Tìm kiếm và đưa vào vận hành các sản phẩm, ngành hàng, phương pháp kinh doanh mới mang tính chiến lược và hiệu quả cao.

- **Khối BO (Back Office):**

- * **Phát triển bền vững:** Định hướng và triển khai các chiến lược dài hạn, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.
- * **Phát triển đột phá:** Cải tổ quy trình, hệ thống và cơ cấu vận hành nhằm tạo ra những bước chuyển mình đột phá trong hiệu suất tổ chức.

↓ **Nhóm MM:**

- **Khối FL:**

- * **Phát triển bền vững:** Lãnh đạo đội ngũ đạt hiệu suất cao, đảm bảo vượt các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đề ra.
- * **Phát triển đột phá:** Triển khai và tối ưu phương thức kinh doanh mới hoặc hiệu quả hóa hoạt động trong các lĩnh vực/sản phẩm/thị trường đầy thách thức.

- **Khối BO:**

- * **Phát triển bền vững:** Tổ chức và phát triển đội ngũ ngày càng tinh gọn, vận hành tối ưu.
- * **Phát triển đột phá:** Sẵn sàng đảm nhận nhiệm vụ mới với tinh thần trách nhiệm cao, đặc biệt là trong các dự án hoặc thử thách chiến lược của Công ty.

↓ **Nhóm PE:**

- * **Phát triển bền vững:** Hoàn thành lộ trình phát triển nhân tài theo chương trình DGW hoặc đạt được thành tích nổi bật (ví dụ: giải thưởng Dsales Hunter), vượt chỉ tiêu thách thức của Đơn vị Kinh doanh.
- * **Phát triển đột phá:** Chủ động đề xuất ý tưởng mới và sẵn sàng đảm nhận nhiệm vụ quan trọng với tinh thần trách nhiệm 100%.

↓ **Nhóm LE:**

- * **Phát triển bền vững:** Luôn hành động với tinh thần làm chủ và trách nhiệm cao; chủ động đề xuất và đảm nhận các dự án có ý nghĩa với sự phát triển của Công ty.

- * **Phát triển đột phá:** Sẵn sàng nhận và hoàn thành những nhiệm vụ mới, thể hiện sự cam kết và tính chủ động trong các thách thức chiến lược.

✦ **Nhóm LTE**

- * **Phát triển bền vững:** Là hình mẫu tiêu biểu, lan tỏa giá trị cốt lõi và văn hóa doanh nghiệp; luôn thể hiện vai trò gương mẫu trong mọi hoạt động và định hướng phát triển chung.
- * **Phát triển đột phá:** Là đại diện tiêu biểu cho tinh thần đổi mới, dẫn đầu và truyền cảm hứng phát triển toàn diện trong Công ty.

8.1.3 Phân loại xếp hạng đóng góp theo tinh thần làm chủ và đổi mới

Nhằm khuyến khích tinh thần làm chủ, đổi mới và chủ động trong công việc – những giá trị cốt lõi trong văn hóa Công ty, Công ty xây dựng tiêu chí phân loại xếp hạng cho mỗi cá nhân.

- **Mục đích:**

- * Thúc đẩy đội ngũ nhân sự chủ động phát hiện vấn đề, đề xuất cải tiến, đóng góp sáng kiến cho tổ chức;
- * Khuyến khích thái độ làm chủ, tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác và cam kết với hiệu quả chung;
- * Tạo cơ sở minh bạch để ghi nhận nỗ lực cá nhân không thể hiện qua KPIs định lượng.

- **Phân loại xếp hạng:**

Hạng	Mô tả
Xuất sắc	* Chủ động phát hiện vấn đề và đề xuất sáng kiến hiệu quả, có ảnh hưởng tích cực đến đội nhóm hoặc quy trình chung. * Truyền cảm hứng, dẫn dắt sự thay đổi tích cực.
Tốt	* Có tinh thần chủ động trong công việc, thường xuyên đưa ra đề xuất cải thiện hoặc chia sẻ sáng kiến nhỏ. * Chủ động phối hợp, hỗ trợ người khác khi cần thiết.
Khá	* Luôn hoàn thành công việc đúng hạn, đảm bảo chất lượng. * Có tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác tốt, sẵn sàng tiếp nhận phản hồi.

- **Căn cứ ghi nhận:**

- * Đánh giá định kỳ từ cấp quản lý trực tiếp (hàng tháng/quý/năm);
- * Tổng hợp từ các báo cáo kết quả công việc, sáng kiến cải tiến, phản hồi nội bộ có liên quan (nếu có).

8.1.4 Điểm cộng chiến lược/quản trị:

Được đánh giá bởi Tổng Giám đốc Digiworld đối với các nhân sự thuộc **Nhóm 1 - Key Person**, nhằm ghi nhận nỗ lực vượt chuẩn, tinh thần dấn thân và đóng góp chiến lược trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt trong những trường hợp kết quả KPIs chưa thể hiện toàn diện giá trị mà cá nhân mang lại cho Công ty. Hội đồng quản trị có thẩm quyền cuối cùng trong việc xem xét, rà soát và phê duyệt danh sách cá nhân được áp dụng điểm cộng chiến lược/quản trị trong chương trình ESOP 2026.

8.2 Tiêu chuẩn về hiệu suất công việc (Hệ số KPIs)

Nhằm đảm bảo tính công bằng khi xét chọn người lao động tham gia ESOP 2026, hiệu suất công việc được đánh giá qua hệ thống KPIs (Key Performance Indicators), tất cả các CBNV phải có KPIs năm 2025 đạt tối thiểu 85% và có thâm niên làm việc được quy định đối với từng nhóm đóng góp cụ thể như sau:

Stt	Nhóm	Điều kiện KPIs	Thâm niên
1	Nhóm 1 - Key Person (KP)	Các CBNV phải có KPIs tối thiểu 85%	≥ 2 năm
2	Nhóm 2 - Middle Management (MM)		≥ 2 năm
3	Nhóm 3 - Prospective Employee (PE)		≥ 2 năm

4	Nhóm 4 - Loyalty Employee (LE)	≥ 5 năm
5	Nhóm 5 - Long Term Employee (LTE)	≥ 15 năm

Điều 9. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN PHỐI CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG

9.1 Công thức tính cổ phiếu ESOP áp dụng chung để đảm bảo tính công bằng và nhất quán:

Số cổ phiếu CBNV được mua theo chương trình ESOP 2026	=	Đơn giá theo nhóm đóng góp và xếp hạng x (Hệ số KPIs + Điểm cộng chiến lược/quản trị (nếu có))
--	----------	---

Trong đó:

- **Đơn giá theo nhóm đóng góp và xếp hạng:** Dựa trên nguyên tắc phân nhóm I và Phân loại xếp hạng:

Nhóm	Đơn giá theo phân loại xếp hạng		
	Xuất sắc	Tốt	Khá
Nhóm 1 - <i>Key Person</i>	4.000	3.000	1.500
Nhóm 2 - <i>Middle Management</i>	1.400	1.000	700
Nhóm 3 - <i>Prospective Employee</i>	650	620	600
Nhóm 4 - <i>Loyalty Employee</i>	580	560	540
Nhóm 5 - <i>Long Term Employee</i>	350	300	250

- **Hệ số hiệu suất công việc (hệ số KPIs) năm 2025** được đánh giá tại thời điểm 31/12/2025 được quy định chi tiết như sau:

Nhóm I	Nhóm II		Điều kiện KPIs	Hệ số KPIs
	FL	BO		
Nhóm 1 - <i>Key Person</i>	✓		KPIs > 105%	9-10
		✓	95% ≤ KPIs ≤ 105%	9-10
	✓	✓	85% ≤ KPIs < 95%	7-9
Nhóm 2 - <i>Middle Management</i>	✓		KPIs > 105%	9-10
		✓	95% ≤ KPIs ≤ 105%	9-10
	✓	✓	85% ≤ KPIs < 95%	7-9
Nhóm 3 - <i>Prospective Employee</i>	✓	✓	KPIs ≥ 95%	9-10
			85% ≤ KPIs < 95%	7-9
Nhóm 4 - <i>Loyalty Employee</i>	✓	✓	KPIs ≥ 95%	9-10
			85% ≤ KPIs < 95%	7-9
Nhóm 5 - <i>Long Term Employee</i>	✓	✓	KPIs ≥ 95%	9-10
			85% ≤ KPIs < 95%	7-9

- **Điểm cộng chiến lược/quản trị:** Điểm cộng được HĐQT quyết định và ghi nhận theo xếp hạng tương ứng như sau, điểm cộng chi tiết sẽ được đánh giá cho từng người lao động đạt chuẩn có tên trong danh sách ESOP 2026.

Xếp hạng	Điểm cộng
Xuất sắc	30-40

Xếp hạng	Điểm cộng
Tốt	11-29
Khá	1-10

9.2 Nguyên tắc làm tròn số lượng cổ phiếu phân phối:

- Sau khi xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động theo công thức quy định, số lượng này sẽ được **làm tròn lên đến bội số của 100 cổ phiếu** (hàng trăm). Mọi số lẻ dưới 100 cổ phiếu sẽ được làm tròn lên theo nguyên tắc này.

Ví dụ: số lượng cổ phiếu phân phối cho người lao động sau khi áp dụng công thức quy định là 19.150 cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, người lao động sẽ được nhận 19.200 cổ phiếu.

Chương IV

XỬ LÝ CỔ PHIẾU ESOP PHÁT SINH, KHÔNG PHÂN PHỐI HẾT VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO

Điều 10. XỬ LÝ CỔ PHIẾU ESOP PHÁT SINH DO LÀM TRÒN, KHÔNG PHÂN PHỐI HẾT

- Trường hợp tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động vượt hơn 2.200.000 cổ phiếu do nguyên tắc làm tròn lên, thì số lượng cổ phiếu bị dư ra được trừ đi cho số cổ phiếu được phân phối cho Tổng Giám đốc trong Danh sách ESOP.
- Đối với số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết do người lao động từ chối mua thì HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho Người lao động khác theo Danh sách đã được lựa chọn ban đầu đảm bảo tiêu chuẩn được ĐHĐCĐ thông qua với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này vẫn bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không chào bán hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành. .

Điều 11. ĐIỀU KIỆN KÈM THEO VÀ THỦ TỤC THỰC HIỆN MUA ESOP 2026

11.1 Điều kiện kèm theo cổ phiếu phát hành ESOP 2026

CBNV được mua cổ phiếu phát hành theo Quy chế này được xem là đồng ý với điều kiện kèm theo cũng như tất cả các quy định khác của Công ty có liên quan, trong đó chủ yếu bao gồm:

- Nộp đầy đủ tiền mua cổ phiếu trong thời hạn thông báo của HĐQT;
- Tự chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc bất kỳ khoản thuế, phí nào khác phát sinh từ việc mua cổ phiếu, thực hiện các quyền phát sinh từ cổ phiếu.
- Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, CBNV không bị hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ phiếu phát hành thêm do Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu trả cổ tức hoặc các quyền khác mà người lao động nhận được phát sinh từ số lượng cổ phiếu phát hành theo quy chế này.
- Công ty không có bất kỳ cam kết nào dù bằng văn bản hay hàm ý bảo đảm giá trị cổ phiếu, sự pha loãng cổ phiếu xảy ra trước và sau khi phát hành cổ phiếu theo Quy chế này. CBNV có trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được quyền quyết định từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu được phân bổ.

11.2 Thủ tục thực hiện mua cổ phiếu ESOP 2026

- CBNV cần đọc kỹ và hiểu rõ các quy định được nêu trong Quy chế này để đảm bảo thực hiện đúng các yêu cầu và nghĩa vụ của mình.
- CBNV phải tiến hành đăng ký mua cổ phiếu theo hướng dẫn được thông báo bởi Công ty, đảm bảo việc đăng ký được thực hiện đầy đủ và chính xác.

- CBNV cần thực hiện đúng theo trình tự và quy định được thông báo bởi Công ty, bao gồm tất cả các bước cần thiết để hoàn thành quy trình mua cổ phiếu.
- CBNV phải nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn đã được quy định, nhằm đảm bảo tính hợp lệ và hiệu lực của giao dịch.

Trong trường hợp CBNV không tuân thủ các thủ tục thực hiện này thì sẽ được coi là tự nguyện từ bỏ quyền mua cổ phiếu đã được phân bổ.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG CỦA CỔ PHIẾU

PHÁT HÀNH THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP 2026

Điều 12. QUY ĐỊNH VỀ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG CỦA CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP 2026

12.1 Nguyên tắc hạn chế chuyển nhượng

CBNV được phân bổ cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2026 có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy định về thời gian hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Việc hạn chế chuyển nhượng bao gồm cả các hình thức: chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, chuyển giao làm phần thưởng, hoặc bất kỳ hành vi, giao dịch nào có thể dẫn đến thay đổi chủ sở hữu cổ phiếu.

12.2 Quyền phát sinh trong thời gian hạn chế chuyển nhượng

Đối với quyền nhận cổ phiếu phát hành do Công ty chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu/cổ phiếu quỹ thì toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà CBNV được nhận phát sinh từ số lượng cổ phiếu ESOP 2026 đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

12.3 Thời gian hạn chế chuyển nhượng

Thời gian hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu ESOP 2026 là 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Chương VI

XỬ LÝ CỔ PHIẾU ESOP TRONG TRƯỜNG HỢP CBNV KHÔNG CÒN LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY

Điều 13. XỬ LÝ CỔ PHIẾU ESOP TRONG TRƯỜNG HỢP CBNV KHÔNG CÒN LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY

HDQT có toàn quyền quyết định liên quan đến việc mua lại cổ phiếu đã phát hành cho CBNV theo chương trình lựa chọn cho người lao động nghỉ việc trước khi kết thúc thời gian hạn chế chuyển nhượng, bao gồm nhưng không giới hạn việc thông qua hình thức mua lại, số lượng mua lại, giá mua lại, thời gian thực hiện và các thủ tục liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện mua lại cổ phiếu theo các nội dung chi tiết về việc mua lại cổ phiếu của CBNV như sau:

13.1 Các trường hợp mua lại cổ phiếu

Công ty sẽ thực hiện mua lại số lượng cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng của CBNV trong các trường hợp sau:

- CBNV nghỉ việc trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu (bao gồm cả việc HĐLĐ hết hạn và không được Công ty gia hạn), trừ trường hợp khác theo quyết định của HDQT.
- CBNV bị xử lý kỷ luật lao động, sa thải theo quy định của Công ty và Luật lao động hiện hành.

13.2 Các trường hợp không bị mua lại cổ phiếu

HDQT sẽ quyết định cho phép CBNV vẫn được hưởng trọn vẹn quyền lợi ESOP trong các trường hợp sau:

- CBNV qua đời hoặc mất sức lao động không thể tiếp tục làm việc tại Công ty

Các trường hợp này vẫn bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành ESOP.

13.3 Giá mua lại cổ phiếu ESOP

- Công ty sẽ thực hiện mua lại số lượng cổ phiếu phát hành theo ESOP còn bị hạn chế chuyển nhượng của CBNV với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà CBNV được nhận, phát sinh từ số lượng cổ phiếu ESOP đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, do thực hiện các quyền theo quy định tại Điều 12.2 Quy chế này, Công ty sẽ không thực hiện mua lại.

13.4 Hình thức mua lại cổ phiếu ESOP

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của CBNV nghỉ việc: toàn bộ số lượng cổ phiếu này sẽ trở thành Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ và xử lý theo đúng quy định.

CBNV có trách nhiệm chi trả các khoản thuế, phí liên quan (nếu có phát sinh).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

HĐQT giao Chủ tịch HĐQT giải quyết các khiếu nại phát sinh từ việc thực hiện Quy chế này. Quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

Điều 15. SỬA ĐỔI NỘI DUNG QUY CHẾ

Theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT là cơ quan cao nhất có có toàn quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ Quy chế này để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty hoặc phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm (nếu có), bao gồm cả các điều kiện kèm theo cổ phiếu phát hành trên nguyên tắc không sửa đổi theo hướng bất lợi hơn cho CBNV đã mua cổ phiếu, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và không được vượt quá số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành theo quy chế này với giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Điều 16. HIỆU LỰC THI HÀNH

- Quy chế này gồm 07 chương, 16 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.
- Toàn thể CBNV tham gia chương trình phát hành cổ phiếu chịu trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.
- Mọi trường hợp phát sinh không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Khi quy định pháp luật có những thay đổi liên quan đến chương trình lựa chọn cho người lao động thì quy chế này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp quy định của pháp luật.



ĐOÀN HỒNG VIỆT



CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC THAM GIA ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2026

(Đính kèm Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/2026/NQ-HĐQT ngày 17/07/2026)

SĐT	Họ và tên	Chức danh	Nhóm	Xếp hạng	Đơn giá	Hệ số KPIs	Điểm cộng quản trị/chiến lược	SLCP theo công thức $(9) = (6) \times (7) + (8)$	SLCP thực nhận (đã làm tròn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	AN THANH HẢI	Trưởng Đơn vị kinh doanh	1	Tốt	3.000	10,00	12,23	66.690	66.700
2	BÙI NGUYỄN MỘNG THÙY	Chuyên viên Bảo hành	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
3	BÙI VĂN THỌ	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
4	CHU THỊ MINH PHƯƠNG	Quản lý Sản phẩm	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
5	ĐÀO HỒNG SƠN	Quản lý Phát triển	1	Khá	1.500	9,60	1,00	15.900	15.900
6	ĐÀO THU HƯƠNG	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
7	ĐẶNG HUY TOÀN	Chuyên viên Marketing cao cấp	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
8	ĐẶNG KIẾN PHƯƠNG	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	1	Xuất sắc	4.000	10,00	35,00	180.000	180.000
9	ĐẶNG THANH HIẾU	Nhân viên Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
10	ĐÌNH CÔNG MINH	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
11	ĐÌNH THỊ THANH NGÀ	Chuyên viên Marketing cao cấp	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
12	ĐOÀN ANH TUẤN	Trưởng Bộ phận Cung ứng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
13	ĐỖ MẠNH DŨNG	Nhân viên Cung ứng	3	Tốt	620	9,68	-	6.002	6.100
14	ĐỖ QUANG ĐẠT	Trưởng Đơn vị kinh doanh	1	Khá	1.500	10,00	8,20	27.300	27.300
15	ĐỖ THÙY LINH CHI	Chuyên viên Kế toán cao cấp	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100

Sst	Họ và tên	Chức danh	Nhóm	Xếp hạng	Đơn giá	Hệ số KPIs	Điểm cộng quản trị/chiến lược	SLCP theo công thức	SLCP thực nhận (đã làm tròn)
16	ĐỖ TRẦN KHÁNH LY	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
17	ĐỖ ỨC HÒA TRANG	Quản lý Khách hàng chính	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
18	ĐỖ VĂN THÔNG	Nhân viên Bảo vệ	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
19	HÀ THỊ XUÂN	Chuyên viên Vận hành kinh doanh	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
20	HOÀNG VĂN VĂN	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
21	HOÀNG VIỆT	Quản lý Sản phẩm	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
22	HỒ TẤN KHƯƠNG	Chuyên viên Bảo hành	3	Tốt	620	9,68	-	6.002	6.100
23	HUỲNH NGỌC LIÊN	Giám đốc Nhân sự	1	Khá	1.500	9,79	5,30	22.635	22.700
24	HUỲNH THỊ MÃN	Chuyên viên Bảo hành	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
25	HUỲNH VĂN ĐỨC	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
26	HUỲNH VŨ THIÊN DI	Trưởng Bộ phận Nhân sự	3	Tốt	620	9,71	-	6.020	6.100
27	HỨA TUẤN NGỌC	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
28	HỨA VĂN TÂM	Quản lý Sản phẩm	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
29	LÂM THỊ TUYẾT NHUNG	Trưởng nhóm Bảo hành	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
30	LÊ HOÀNG ANH THY	Nhân viên Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
31	LÊ HỒNG QUANG	Giám đốc Cung ứng	1	Khá	1.500	9,89	2,20	18.135	18.200
32	LÊ HUY HOÀNG	Nhân viên Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
33	LÊ KHẢ TÚ	Trưởng Phòng Quan hệ Nhà đầu tư	1	Khá	1.500	9,60	1,00	15.900	15.900
34	LÊ PHÚ QUỐC	Trưởng nhóm Bảo hành	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
35	LÊ THANH VINH	Trưởng Đơn vị kinh doanh	1	Tốt	3.000	10,00	17,75	83.250	83.300

Stt	Họ và tên	Chức danh	Nhóm	Xếp hạng	Đơn giá	Hệ số KPIs	Điểm cộng quản trị/chiến lược	SLCP theo công thức	SLCP thực nhận (đã làm tròn)
36	LÊ THỊ CHUYỀN	Nhân viên Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
37	LÊ THỊ NGỌC HUỖN	Trưởng Bộ phận Kế toán	3	Tốt	620	9,81	-	6.082	6.100
38	LÊ VĂN QUÂN	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
39	LÝ TIẾN LONG	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
40	MAI NHẬT THIÊN	Trưởng Phòng Phân tích số liệu quản trị	1	Tốt	3.000	10,00	28,00	114.000	114.000
41	MAI THỊ THÚY THOA	Trưởng Bộ phận Kế toán	1	Tốt	3.000	9,30	29,00	114.900	114.900
42	MAI VŨ LUÂN	Chuyên viên Bảo hành	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
43	NGÔ HỒNG ĐIẾP	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
44	NGÔ THỊ HUỖN	Trưởng Phòng Mua hàng	1	Tốt	3.000	10,00	26,05	108.150	108.200
45	NGUYỄN DUY MẠNH	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
46	NGUYỄN ĐÌNH THẢO NGUYỄN	Chuyên viên Kế toán	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
47	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	Trưởng Đơn vị kinh doanh	1	Tốt	3.000	10,00	16,25	78.750	78.800
48	NGUYỄN HẢI KHÔI	Trưởng Phòng Đầu tư	1	Khá	1.500	9,40	8,75	27.225	27.300
49	NGUYỄN HOÀI NAM	Trưởng Bộ phận Hạ tầng công nghệ thông tin	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
50	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
51	NGUYỄN HUY MINH	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
52	NGUYỄN HỮU TRỌNG	Trợ lý Ban TGD	1	Khá	1.500	9,79	8,35	27.210	27.300
53	NGUYỄN MINH HIỀN	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
54	NGUYỄN NHƯ Ý	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
55	NGUYỄN TIẾN CHUNG	Trưởng Bộ phận Cung ứng	3	Tốt	620	9,68	-	6.002	6.100

Stt	Họ và tên	Chức danh	Nhóm	Xếp hạng	Đơn giá	Hệ số KPIs	Điểm cộng quản trị/chiến lược	SLCP theo công thức	SLCP thực nhận (đã làm tròn)
56	NGUYỄN TUẤN HIỆP	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
57	NGUYỄN THÁI PHÚC	Quản lý Phát triển	2	Xuất sắc	1.400	7,55	-	10.570	10.600
58	NGUYỄN THANH TOÀN	Quản lý Kinh doanh khu vực	5	Xuất sắc	350	8,55	-	2.993	3.000
59	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
60	NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
61	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Kế toán trưởng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
62	NGUYỄN THỊ NHUNG	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
63	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	Chuyên viên Cung ứng cao cấp	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
64	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Trưởng Phòng Bảo hành	1	Xuất sắc	4.000	9,30	32,00	165.200	165.200
65	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	Quản lý Kinh doanh thương mại	3	Tốt	620	9,68	-	6.002	6.100
66	NGUYỄN THỊ TRUNG KIÊN	Trưởng Bộ phận Vận hành kinh doanh	1	Tốt	3.000	9,60	28,30	113.700	113.700
67	NGUYỄN THIÊN DUY	Trưởng Bộ phận Hệ thống công nghệ thông tin	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
68	NGUYỄN THU GIANG	Chuyên viên Kế toán cao cấp	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
69	NGUYỄN THU HOÀI	Giám đốc Kế toán	1	Xuất sắc	4.000	9,27	-	37.080	37.100
70	NGUYỄN TRỌNG KHIÊM	Quản lý Phát triển	3	Tốt	620	9,70	-	6.014	6.100
71	NGUYỄN XUÂN VINH	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
72	NHỮ ĐÌNH NAM	Trưởng Bộ phận Bảo hành	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
73	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
74	PHẠM HOÀNG LONG	Chuyên viên Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
75	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG KHUÊ	Trưởng Phòng Truyền thông đối ngoại	2	Xuất sắc	1.400	9,65	-	13.510	13.600

Stt	Họ và tên	Chức danh	Nhóm	Xếp hạng	Đơn giá	Hệ số KPIs	Điểm cộng quản trị/chiến lược	SLCP theo công thức	SLCP thực nhận (đã làm tròn)
76	PHẠM TUYẾT NGÂN	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
77	PHẠM THỊ HỢP	Chuyên viên Bảo hành	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
78	PHẠM THỊ NGỌC LINH	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
79	PHẠM THỊ QUYẾT	Trưởng Phòng Nhân sự	1	Tốt	3.000	9,55	29,00	115.650	115.700
80	PHẠM THỊ THANH HÀ	Trưởng Bộ phận Vận hành kinh doanh	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
81	PHAN THANH BÌNH	Chuyên viên Hạ tầng công nghệ thông tin	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
82	PHAN THỊ NGỌC HỒNG	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
83	QUÁCH THỊ NGÀ	Quản lý Phát triển	1	Tốt	3.000	10,00	26,05	108.150	108.200
84	TĂNG CAM XUNG	Trưởng nhóm Cung ứng	3	Tốt	620	9,79	-	6.070	6.100
85	TĂNG THỊ MỸ HẰNG	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
86	TÔ TIỂU NGỌC	Chánh Văn phòng HCM	1	Khá	1.500	9,60	1,00	15.900	15.900
87	TÔ TIỂU YẾN	Trưởng Bộ Phận Kiểm soát tuân thủ	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
88	TRẦN HỮU TRÍ	Trưởng Bộ phận Cung ứng	3	Tốt	620	9,78	-	6.064	6.100
89	TRẦN KHÁNH HƯNG	Nhân viên Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
90	TRẦN MINH THẢO	Quản lý Sản phẩm	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
91	TRẦN THANH HÒA	Chuyên viên Kế toán cao cấp	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
92	TRẦN THỊ BÍCH ĐÀO	Kế toán trưởng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
93	TRẦN THỊ THU HIỀN	Trưởng Bộ phận Kế toán	1	Tốt	3.000	9,65	28,75	115.200	115.200
94	TRẦN THỊ THU NGUYỆT	Trưởng Bộ phận Kế toán	1	Xuất sắc	4.000	10,00	31,65	166.600	166.600
95	TRẦN THU TRANG	Quản lý Sản phẩm	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100

Sst	Họ và tên	Chức danh	Nhóm	Xếp hạng	Đơn giá	Hệ số KPIs	Điểm cộng quân trị/chiến lược	SLCP theo công thức	SLCP thực nhận (đã làm tròn)
96	TRẦN THUY VÂN	Trưởng Bộ phận Pháp chế	3	Tốt	620	9,68	-	6.002	6.100
97	TRẦN TRUNG TÍN	Quản lý Sản phẩm	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
98	TRỊNH NGỌC KHUÊ	Quản lý Kinh doanh khu vực	2	Tốt	1.000	9,10	-	9.100	9.100
99	TRỊNH NHẬT MINH	Trưởng Bộ phận Cung ứng	3	Tốt	620	9,70	-	6.014	6.100
100	TRỊNH THỊ THIÊN NGÀ	Chuyên viên Nhân sự cao cấp	3	Tốt	620	9,68	-	6.002	6.100
101	TRƯƠNG ANH KIỀU	Trưởng nhóm Cung ứng	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
102	VÕ NGỌC HOÀN	Quản lý Kinh doanh khu vực	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
103	VÕ THỊ PHƯƠNG TRANG	Chánh Văn phòng ĐN	5	Tốt	300	10,00	-	3.000	3.000
104	VŨ NGỌC HIẾU	Chuyên viên Phụ trách khách hàng	3	Tốt	620	9,83	-	6.095	6.100
105	VŨ THỊ MAI HÂN	Kế toán trưởng	1	Khá	1.500	9,48	8,70	27.270	27.300
TỔNG CỘNG									2.200.000